TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2025/DS-PT
Ngày: 29-7-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngầu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Nam;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2025/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: số A đường B, khu phố N, phường N, thành phố T (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (*theo Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2025):* Chị Kim Cẩm T, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Thanh D1, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: số D đường B, khu phố N, phường N, thành phố T (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (theo Văn bản uỷ quyền ngày 23/01/2025): Chị Lê Thị Kiều D2, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã B, Huyện D (nay là phường N), tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: số A Cách mạng tháng tám, khu phố B, phường D, thành phố T (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-01-2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền là chị Kim Cẩm T, trình bày

Ngày 18/11/2024, bà D có cho ông Lê Thanh D1 vay số tiền 2.250.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, có lập "Giấy nhận nợ vay tiền" ông D1 ký tên người vay tiền; thoả thuận thời hạn vay là từ ngày 18/11/2024 đến ngày 19/11/2024 (trong giấy nợ viết 2023 là do nhầm lẫn), lãi suất 02%/tháng. Sau khi thực hiện thủ tục đáo hạn xong và đến hạn trả nợ nhưng ông D1 vẫn trả dù bà D đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông D1 trả lại số tiền nợ gốc là 2.250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày vay 18/11/2024 cho đến khi kết thúc vụ án.

** Quá trình làm việc tại Toà án cấp sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Lê Thanh D1 là chị Lê Thị Kiều D2 trình bày*

Ông D1 không có vay số tiền 2.250.000.000 đồng của bà D, mà chỉ ký tên bảo lãnh cho người vay là bà Nguyễn Thị Mỹ H. Khi bà D chuyển khoản số tiền này cho ông D1 thì ông D1 đã chuyển khoản toàn bộ cho bà H và bà H là người thanh toán tiền lãi hàng tháng theo thoả thuận với bà D. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, ông D1 không đồng ý, nghĩa vụ trả tiền cho bà D là của bà H.

** Quá trình làm việc tại Toà án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Vào khoảng tháng 10/2024, do cần tiền để kinh doanh vật liệu xây dựng nên bà có hỏi vay của bà D số tiền 2.250.000.000 đồng, nhưng bà D nói chỉ đồng ý cho vay nếu ông D1 là người ký tên vay tiền. Do có mối quan hệ làm ăn chung, ông D1 cũng đang nợ tiền bà nên ông D1 đồng ý ký tên vay của bà D 2.250.000.000 đồng

đưa cho bà và sau khi nhận tiền do bà D chuyển khoản, ông D1 đã chuyển khoản hết cho bà. Bà không rõ bà D và ông D1 thoả thuận thời hạn vay và lãi suất như thế nào, nhưng trên thực tế, trong thời gian 03 tháng đầu tiên, lãi suất hàng tháng bà phải đóng cho bà D là 9%/tháng. Bà đã đóng tiền lãi hơn 01 tháng thì không còn khả năng thanh toán nữa, nên bà D khởi kiện. Do anh D1 còn nợ bà số tiền 1.000.000.000 đồng nên bà đồng ý trả cho bà D 1.250.000.000 đồng, còn ông D1 trả cho bà D 1.000.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi, bà yêu cầu Toà án tính lại số tiền lãi đã đóng và khấu trừ tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật vào số tiền nợ gốc, bà không đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật vì số tiền lãi bà đã thanh toán theo mức lãi suất rất cao.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh), đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với ông Lê Thanh D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Thanh D1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền nợ gốc và tiền lãi là 2.458.459.000 (hai tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.250.000.000 đồng, tiền lãi là 208.459.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2025, bị đơn Lê Thanh D1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ D.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Lê Thanh D1 trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ D. Bởi các lý do sau: (1) giữa ông với bà D và bà H quen biết nhau, bà H có hỏi vay tiền của bà D để đáo nợ ngân hàng, bà D

không cho, nếu ông ký bảo lãnh thì bà D mới cho bà H vay, do dó vào ngày 18/11/2024 bà D cho bà H vay tiền nhưng bắt ông ký giấy mượn nợ, ông đã ký giấy nợ, bà D chuyển khoản số tiền bà H vay vào tài khoản của ông và ông đã chuyển khoản hết số tiền này cho bà H; (2) việc đóng tiền lãi hàng tháng do bà H đóng trực tiếp cho bà D, lãi suất 9%/tháng, cứ 10 ngày trả tiền lãi 1 lần; (3) từ khi ký giấy nợ bảo lãnh cho bà H cho đến nay, bà D chưa có khi nào đòi tiền ông, các tin nhắn bà D đều nhắn đòi tiền bà H và xác nhận số tiền 2.250.000.000 đồng là bà H vay, không phải ông vay.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Kim Cẩm T trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn thị Mỹ H vắng mặt tại phiên toà nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự phúc thẩm; các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thanh D1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 19/5/2025, bị đơn Lê Thanh D1 có đơn kháng cáo; đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Lê Thanh D1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Lê Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh D1 trả số tiền vay gốc là 2.250.000.000 và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày vay 18/11/2024 cho đến khi kết thúc vụ án. Ông D1 không đồng ý, cho rằng số tiền 2.250.000.000 đồng ông ký giấy nhận nợ là bảo lãnh cho bà H vay tiền của bà D, không phải ông vay. Bà H cho rằng số tiền 2.250.000.000 đồng ông D1 ký vay nợ

của bà D là vay giùm bà, do bà D không không đồng ý cho bà vay tiền.

[2.2] Căn cứ vào các tin nhắn từ Zalo của bà D đến Zalo của bà H đã được in ra *(bút lục số 20 và số 61)* thể hiện: bà D chuyển số tiền ông D1 ký giấy nhận nợ vay tiền ngày 18/11/2024, số tiền vay là 2.250.000.000 đồng, cùng ngày bà D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông Lê Thanh D1 (số tài khoản 20068587- ACB) số tiền trên; liền sau đó ông D1 đã chuyển toàn bộ số tiền 2.250.000.000 đồng này vào tài khoản ngân hàng của bà H (số tài khoản 323138888- A). Tại các tin nhắn Zalo bà D gửi cho bà H ngày 16/11/2024 *(bút lục số 34)* có ghi: *"mai tới 10 ngày tiền 2250"* và ngày 17/12/2024 *(bút lục số 56)* có ghi: *"Hôm nay là 30 ngày tiền 2 tỷ 250"*, như vậy có căn cứ xác định số tiền 2.250.000.000 đồng ông D1 ký giấy vay bà D ngày 18/11/2024 là vay giùm bà H. Do ông D1 và bà H chưa trả số tiền 2.250.000.000 đồng, nên bà D khởi kiện yêu cầu ông D1 trả số tiền này cho bà D là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi:

[2.3.1] Căn cứ vào các tin nhắn Zalo *(bút lục số 34 và 56)* nêu tại mục [2.1] có căn cứ xác định lời trình bày của ông D1 về việc bà H có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà D đối với số tiền ông vay giùm. Tuy nhiên, căn cứ các tin nhắn Zalo nêu trên thì đến ngày 17/12/2024 bà H chưa trả tiền lãi cho bà D.

[2.3.2] Mặt khác, tại Văn bản trình bày ý kiến không ghi ngày tháng, có ghi năm 2025 *(bút lục số 87)*, bà H trình bày bà D cho vay với lãi suất 9%/tháng, bà D yêu cầu 10 ngày trả tiền lãi một lần, bà đã trả tiền lãi cho bà D được 201.500.000 đồng, gửi kèm theo chứng từ trả tiền lãi chuyển khoản ngân hàng G *(bút lục số 88 - 97)*, cụ thể ngày 26/11/2024 trả 45.000.000 đồng, ngày 28/11/2024 trả 33.750.000 đồng, ngày 03/12/2024 trả 18.000.000 đồng, ngày 04/12/2024 trả 15.750.000 đồng, ngày 12/12/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 13/12/2024 trả 13.750.000 đồng, ngày 20/12/2024 trả 20.000.000 đồng, ngày 31/12/2024 trả 35.000.000 đồng. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà D trình bày thừa nhận bà D có nhận số tiền nêu trên, nhưng đây là số tiền bà H trả tiền lãi cho bà D đối với các khoản tiền vay mà bà H đã vay của bà D trên dưới khoản 2.400.000.000 đồng. Căn cứ vào tin nhắn Zalo của bà D gửi bà H *(tại bút lục số 56)* có ghi "Hôm nay là 30 ngày tiền 2 tỷ 250. Còn bên tiền 1 tỷ em chuyển 15 triệu chi tra chi loan" có căn cứ xác định bà H có vay tiền của bà D ngoài số tiền 2.250.000.000 đồng ông D1 vay giùm. Căn cứ

vào lời trình bày của bà H lãi suất bà D cho vay 9%/tháng, thì mỗi tháng số tiền lãi bà H phải trả cho bà D phải là (2.250.000.000 đồng x 9%/tháng) 202.500.000 đồng, do đó 10 ngày trả lãi 1 lần thì bà H phải trả tiền lãi cho bà D mỗi lần là 67.500.000 đồng; đối chiếu với số tiền 08 lần bà H chuyển trả tiền lãi cho bà D nêu trên không có lần nào phù hợp với số tiền lãi phải trả 67.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định đến ngày 31/12/2024, bà H chưa trả tiền lãi cho bà D đối với khoản tiền ông D1 vay giùm bà 2.250.000.000 đồng.

[2.4] Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ xác định số tiền 2.250.000.000 đồng ông D1 vay của bà D vào ngày 18/11/2024 đền nay ông D1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà D. Theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 18/11/2024 thì lãi suất tiền vay là 2%/tháng, tương đương 24%/năm, bà D yêu cầu ông D1 trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay (ngày 18/11/2024) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Toà án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Lê Thanh D1 trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền gốc 2.250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2025) là 5 tháng 17 ngày với số tiền lãi là 208.459.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Ông D1 kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh D1; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông D1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh D1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh).

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với ông Lê Thanh D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Thanh D1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D tổng số tiền gốc và tiền lãi là 2.458.459.000 (hai tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.250.000.000 đồng, tiền lãi là 208.459.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thanh D1 phải chịu 81.169.000 (tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

- Bà Lê Thị Mỹ D không phải chịu; được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.500.000 (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0003911 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 10 – Tây Ninh).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Thanh D1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0000083 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 10 – Tây Ninh). Ông D1 đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GĐKT,TT&THA TAND tỉnh;
- TAND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 10 – TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tạp bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Ngầu